

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/02/2025

*“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo và ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 570/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 601/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số B, ngõ D D, phường M, quận C, Hà Nội. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1992; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày

06/02/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại nhà anh L1 khoảng vài tháng, đến tháng 10/2014 anh L1 đi Đài Loan, còn chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Khoảng 01 đến 02 năm đầu tiên sau khi anh L1 đi, vợ chồng chị vẫn thường xuyên liên lạc với nhau; sau đó do vợ chồng bất đồng quan điểm, mỗi lần nói chuyện lại xảy ra cãi vã nên chị và anh L1 không liên lạc với nhau nữa. Vợ chồng chị đã sống ly thân được khoảng 6 năm nay, không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 chung là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 01/10/2013, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Văn L1 ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh L1. Bà Nguyễn Thị L2 (là mẹ đẻ anh L1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh L1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh L1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh L1 biết. Anh L1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L xin ly hôn, anh L1 đồng ý. Về con chung: Anh L1 xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 01/10/2013 cho chị L nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con, anh nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Anh L1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn L1. Về con chung: Giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 01/10/2013 cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh

L1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Trước khi xuất cảnh, anh L1 sinh sống tại xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh L1 tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị L và gia đình anh L1 cung cấp địa chỉ, nhưng chị L và gia đình anh L1 không cung cấp được. Bà Nguyễn Thị L2 là mẹ đẻ anh L1 xác định anh L1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà, chị L có đơn xin ly hôn, anh L1 đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh L1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/02/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L và anh L1 đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đều xác định vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 06 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình anh L1 có quan điểm đồng ý ly hôn chị L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh L1 đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong

cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 01/10/2013, hiện đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn, chị L và anh L1 đều có quan điểm giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng tiền nuôi con, anh L1 nhất trí. Xét thấy sự thỏa thuận của chị L và anh L1 là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu N, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 01/10/2013 kể từ tháng 02/2025 cho đến khi cháu Ngọc T 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do anh Nguyễn Văn Đ nộp thay, theo biên lai

thu tiền số 0005282 ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất